

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST.

Ngày: 26-5-2025.

V/v: “*Kiến yêu cầu xác định quyền
sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Y Dhiều Hmok.

2, Ông Trương Đình Ry.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 147/2023/TLST-DS ngày 19/12/2023 về việc “*Kiến yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản để thi hành án*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐST-DS ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân D, sinh năm 1956. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 1b, xã Cư N, huyện Ea K, **tỉnh Đắk Lắk.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Cầu – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 25 thôn 3, xã Ea K, huyện Cư K, **tỉnh Đắk Lắk.**

Hiện cư trú: TDP 5, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Trần Đình Kh, sinh năm 1956. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 5, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

2, Chị Trần Thị Diệu H, sinh năm 1988. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 5, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

3, Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1990. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 5, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

4, Anh Trần Thiện Th, sinh năm 1992. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 5, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

5, Anh Trần Thiên Â, sinh năm 2001. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 5, phường Đạt H, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

6, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh Th; Chức vụ: Chấp hành viên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1079 Hùng Vương, phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án ông D nguyên đơn trình bày:

Sau khi Bản án số 14/2015/DS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin có hiệu lực pháp luật, ông Đặng Xuân D đã làm đơn yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 595/QĐ-CCTHADS ngày 18/7/2023. Trong đó, ông D là người được thi hành án và bà Nguyễn Thị L là người phải thi hành án.

Tài sản thi hành án là quyền sở hữu, sử dụng của bà L trong tài sản chung của bà L và ông Trần Đình Kh là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk cũ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk cũ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L.

Ngày 03/11/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ ra Thông báo số 64/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tuy nhiên, hết hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo nói trên bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình Kh vẫn không thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện

tại Tòa án hay đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình thi hành án, ông Đặng Xuân D làm đơn này khởi kiện bà Nguyễn Thị L ra Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ yêu cầu: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nêu trên của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung của bà L và ông Kh để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày:

Bản án số 14/2015/DS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đặng Xuân D số tiền 218.987.500 đồng (trong đó tiền nợ gốc 188.450.000 đồng và 30.487.500 đồng tiền nợ lãi).

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình Kh là quan hệ vợ chồng, bà L và ông Kh về sống chung với nhau từ năm 1987 và có 04 người con. Đối với hai thửa đất mà ông D yêu cầu chia gồm: Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L. Đây là tài sản chung của hộ gia đình, nên bà L đề nghị chia tài sản này thành 06 phần bằng nhau (gồm bà L, ông Kh và 04 người con là chị H, anh H, anh Th, anh Á).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Kh trình bày: Ông Kh thừa nhận 02 thửa đất số 176, tờ bản đồ 06, diện tích 12550 m², được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp Giấy CNQSD đất số AI 786333 cấp ngày 26/6/2007 và số 258, tờ bản đồ 06, diện tích 12871 m², được Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp Giấy CNQSD đất số AI 786334 cấp ngày 26/6/2007. Nguồn gốc đất sang nhượng lại của người khác, hiện tại gia đình ông Kh, bà L có bốn người con, nên ông Kh, bà L nhất trí chia 02 lô đất nói trên thành 06 phần bằng nhau (mỗi người 01 phần).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, anh H, anh Th, anh Á trình bày: Bố, mẹ chúng tôi là ông Kh và bà L có 02 thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, có diện tích 12871 m² được UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AI 786334 cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, có diện tích 12550 m² được UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AI 786333 cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L. Nguồn gốc đất sang nhượng lại của người khác, sau khi sang nhượng cả gia đình chúng tôi đầu tư, canh tác, chăm sóc tài sản này. Vì chúng tôi có công sức đóng góp, đầu tư, chăm sóc, nên chúng tôi đồng ý chia tài sản này thành 06 phần bằng nhau, mỗi người 01 phần theo nguyện vọng của bố, mẹ chúng tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ trình bày: Ngày 26/12/2024 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ nhận được Thông báo về việc thụ lý án số: 147/TB-TLVA ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ. Thực hiện Bản án số 14/2015/DS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin có hiệu lực pháp luật, với nội dung thi hành án như sau: “Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đặng Xuân D số tiền 218.987.500 đồng (trong đó tiền nợ gốc 188.450.000 đồng và 30.487.500 đồng tiền nợ lãi).

Quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã tiến hành đầy đủ các trình tự theo đúng quy định của pháp luật và qua quá trình giải quyết, xác minh thi hành án Chấp hành viên được biết: Bà Nguyễn Thị L có tài sản chung với ông Trần Đình Kh là thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L.

Ngày 03/11/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ ra Thông báo số 64/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án, nhưng bà L và ông Kh không thực hiện việc thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, nên ông Đặng Xuân D đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thụ lý. Vậy để có cơ sở xử lý vụ việc theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ kính đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xử lý theo quy định của pháp luật trong việc xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung của bà L với ông Kh tại 02 thửa đất nói trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa công bố tại phiên tòa thể hiện việc ông D khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Xuân D về việc: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nêu trên của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung của bà L và ông Trần Đình Kh để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông D khởi kiện bà L tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án là phù hợp khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung: Theo Bản án số 14/2015/DS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin thì bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Đặng Xuân D số tiền 218.987.500 đồng (trong đó tiền nợ gốc 188.450.000 đồng và 30.487.500 đồng tiền nợ lãi).

Quá trình tổ chức thi hành án, Ngày 03/11/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ ra Thông báo số 64/TB-THADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tuy nhiên, hết hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo nói trên bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình Kh vẫn không thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hay đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình thi hành án, ông Đặng Xuân D làm đơn này khởi kiện bà Nguyễn Thị L ra Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ yêu cầu: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nêu trên của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản chung của bà L và ông Kh để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

[3]. Thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản trên đất tại 02 thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L có các tài sản là các cây trồng như: Cà phê, sầu riêng, bơ, nhưng do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác, không mở cửa nên Hội đồng xem xét, thẩm định không kiểm đếm được số lượng cây trồng. Do không kiểm đếm được số lượng cây trồng và không xác định được độ tuổi của cây, nên không Hội đồng định giá không tiến hành định giá được.

Theo biên bản xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ có kết quả như sau: 02 thửa đất số

258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L. 02 thửa đất này vẫn đang đứng tên ông Kh, bà Lu chưa chuyển nhượng cho ai và cũng chưa đăng ký thế chấp vay vốn.

[4]. Xem xét về phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L trong khối tài sản là 02 thửa đất nói trên thì thấy: Các tài sản này đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông Kh. Như vậy, có căn cứ để xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bà L và ông Kh.

Khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung”*.

Khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án”*.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà L và ông Kh mỗi người có ½ (một phần hai) quyền sử dụng tài sản là đất và tài sản trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông Kh cho rằng tài sản nói trên có công sức đóng góp của 04 người con trong khối tài sản chung và các tài sản này được cấp cho hộ gia đình. Ông Kh bị bệnh, sức khỏe yếu không lao động được và từ khi ông Kh và bà L sống ly thân toàn bộ tài sản do 04 người con đứng ra đầu tư, chăm sóc các cây trồng trên đất. Bà L, ông Kh và 04 người con thỏa thuận phân chia 02 thửa đất này thành 06 phần bằng nhau, việc phân chia tài sản này nguyên đơn ông D cũng đồng ý.

Tại khoản 1 và 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự quy định: *“1. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia”. “4. Tài sản chung của vợ chồng có thể được phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án”*.

Từ những phân tích nêu trên, cần phân chia các tài sản là 02 thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L thành 06 phần (mỗi người nhận 1/6 giá trị tài sản).

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST và tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ông D thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 212, 213, 217, 218 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Xuân D về việc “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Phân chia tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đình Kh là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 258, tờ bản đồ số 06, diện tích 12871 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786334 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L và thửa đất số 176, tờ bản đồ số 06, diện tích 12550 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 786333 do UBND huyện Krông Buk củ (nay là thị xã Buôn Hồ) cấp ngày 26/6/2007 cho hộ ông Trần Đình Kh và bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L, ông Trần Đình Kh, chị Trần Thị Diệu H, anh Trần Mạnh H, anh Trần Thiện Th, anh Trần Thiên Ân mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng 1/6 giá trị trong khối tài sản chung. Phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị L được thi hành án theo Bản án số: 14/2015/DS-ST ngày 18/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá.

Trả lại cho ông D 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá đã nộp (đã chi), sau khi thu được từ bà L.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa

án.

Bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND TX Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ